

Số : 834-11/22-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

2/ Địa chỉ : KCN Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dB

BẢNG KẾT QUẢ ĐO TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)
1.Khu vực gần cụm thiết bị nén	64
2.Khu vực cụm nén khí	62
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN26:2010/BTNMT)	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ – 6 giờ: 55

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 834-11/22-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

2/ Địa chỉ : KCN Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Độ rung

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Độ rung*	TCVN 6963:2001	30÷130 dB

KẾT QUẢ MỨC GIA TỐC RUNG

Điểm Đo	Thời gian (h)	Mức gia tốc rung (dB)
1.Khu vực gần cụm thiết bị nén	09h30'	55
2.Khu vực cụm nén khí	09h50'	53
Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất thương mại dịch vụ tại khu vực thông thường (QCVN 27:2010/BTNMT)	6 giờ - 21 giờ	70
	21 giờ - 6 giờ	60

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Chỉ tiêu Rung đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LAO ĐỘNG
QUẬN 10 - T.P. HỒ CHÍ MINH



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Số : 834-11/22-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

2/ Địa chỉ : KCN Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hồ lưu nước thải sau khi qua hệ thống xử lý

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (30,5 ⁰ C)	-	7,21	2 ÷ 12,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	47	5,0	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	77	2,0	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	30	1,0	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	22,35	1,56	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	3,52	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Cl**	mg/L	132,6	1,5	1.000	TCVN 6194: 1996
8	Hg*	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	0,01	TCVN 7877:2008
9	Pb*	mg/L	KPH	0,0021	0,5	SMEWW 3113.B: 2017
10	Cd*	mg/L	KPH	13×10 ⁻⁵	0,1	SMEWW 3113.B: 2017
11	Zn**	mg/L	KPH	0,015	3	TCVN 6193:1996
12	Fe**	mg/L	0,51	0,05	5	TCVN 6177: 1996
13	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH	0,3	-	SMEWW 5520.B: 2017
14	Cr (VI)*	mg/L	KPH	0,0016	0,1	TCVN 6658:2000
15	Cu**	mg/L	KPH	0,016	2	TCVN 6193: 1996
16	Nhiệt độ*	°C	30,5	4 ÷ 50	40	SMEWW 2550.B:2017
17	DO***	mgO ₂ /L	1,52	0,11	-	TCVN 7324: 2004

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/12

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
18	SO ₄ ²⁻ ***	mg/L	12,3	1,1	-	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E:2017
19	Lưu lượng*	m ³ /h	11,6	0 ÷ 219600	-	ISO 4064-5:2014
20	Coliform*	MPN/100mL	3.100	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

(***): Chỉ tiêu đã được Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (<MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



Số : 834-11/22-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

2/ Địa chỉ : KCN Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà điều khiển/ thí nghiệm

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT (CỘT B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (30,4 ⁰ C)	-	7,85	2 ÷ 12,5	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	31	5,0	120	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	41	1,0	60	TCVN 6001-1:2008
4	TDS*	mg/L	546	0 ÷ 1.999	1200	SOP HTN05
5	S ²⁻ *	mg/L	0,67	0,015	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	6,42	0,011	12	TCVN 6179-1:1996
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,44	0,013	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	7,2	0,011	12	TCVN 6202: 2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,5	0,3	24	SMEWW 5520.B& F: 2017
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,61	0,01	12	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100mL	4.000	2	5000	TCVN 6187-2:1996
12	Lưu lượng*	m ³ /h	0,015	0 ÷ 219600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

*(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT- GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

 

ThS Thái Sanh Bảo Huy

Số : 834-11/22-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

2/ Địa chỉ : KCN Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà ăn

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT (CỘT B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (31,0°C)	-	7,72	2 ÷ 12,5	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	21	5,0	120	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	27	1,0	60	TCVN 6001-1:2008
4	TDS*	mg/L	871	0 ÷ 1.999	1200	SOP HTN05
5	S ²⁻ *	mg/L	0,35	0,015	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	6,23	0,011	12	TCVN 6179-1:1996
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	11,6	0,013	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	3,72	0,011	12	TCVN 6202: 2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,2	0,3	24	SMEWW 5520.B&F: 2017
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,34	0,01	12	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100mL	3.400	2	5000	TCVN 6187-2:1996
12	Lưu lượng*	m ³ /h	0,08	0 ÷ 219600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

*(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 834-11/22-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

2/ Địa chỉ : KCN Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà văn phòng

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT (CỘT B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (30,2 ⁰ C)	-	7,42	2 ÷ 12,5	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	21	5,0	120	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	22	1,0	60	TCVN 6001-1:2008
4	TDS*	mg/L	702	0 ÷ 1.999	1200	SOP HTN05
5	S ²⁻ *	mg/L	0,33	0,015	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	1,25	0,011	12	TCVN 6179-1:1996
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	13,4	0,013	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	3,52	0,011	12	TCVN 6202: 2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,3	0,3	24	SMEWW 5520.B& F: 2017
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,27	0,01	12	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100mL	4.600	2	5000	TCVN 6187-2:1996
12	Lưu lượng*	m ³ /h	0,02	0 ÷ 219600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 834-11/22-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

2/ Địa chỉ : KCN Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà bảo vệ (khu vực nhà máy)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT (CỘT B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (30,6°C)	-	7,92	2 ÷ 12,5	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	15	5,0	120	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	21	1,0	60	TCVN 6001-1:2008
4	TDS*	mg/L	920	0 ÷ 1.999	1200	SOP HTN05
5	S ²⁻ *	mg/L	0,36	0,015	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	4,51	0,011	12	TCVN 6179-1:1996
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,66	0,013	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	8,51	0,011	12	TCVN 6202: 2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	2,0	0,3	24	SMEWW 5520.B& F: 2017
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,23	0,01	12	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100mL	2.700	2	5000	TCVN 6187-2:1996
12	Lưu lượng*	m ³ /h	0,015	0 ÷ 219600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 834-11/22-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

2/ Địa chỉ : KCN Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà bảo vệ (Khu vực kho chứa sản phẩm)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT (CỘT B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (30,8°C)	-	7,23	2 ÷ 12,5	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	18	5,0	120	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	20	1,0	60	TCVN 6001-1:2008
4	TDS*	mg/L	926	0 ÷ 1.999	1200	SOP HTN05
5	S ²⁻ *	mg/L	0,27	0,015	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	5,24	0,011	12	TCVN 6179-1:1996
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	16,5	0,013	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	7,2	0,011	12	TCVN 6202: 2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,5	0,3	24	SMEWW 5520.B&F: 2017
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,54	0,01	12	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100mL	3.300	2	5000	TCVN 6187-2:1996
12	Lưu lượng*	m ³ /h	0,01	0 ÷ 219600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LAO ĐỘNG
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

9/12

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)

Số : 834-11/22-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

2/ Địa chỉ : KCN Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại phòng điều khiển (CCR)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT (CỘT B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (30,4°C)	-	7,37	2 ÷ 12,5	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	20	5,0	120	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	21	1,0	60	TCVN 6001-1:2008
4	TDS*	mg/L	876	0 ÷ 1.999	1200	SOP HTN05
5	S ²⁻ *	mg/L	0,20	0,015	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	8,3	0,011	12	TCVN 6179-1:1996
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	31,5	0,013	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	7,2	0,011	12	TCVN 6202: 2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,2	0,3	24	SMEWW 5520.B&F: 2017
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,65	0,01	12	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100mL	4.000	2	5000	TCVN 6187-2:1996
12	Lưu lượng*	m ³ /h	0,06	0 ÷ 219600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

*(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT- GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Số : 834-11/22-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

2/ Địa chỉ : KCN Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà kho/Xưởng (Workshop)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT (CỘT B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (31,0°C)	-	7,65	2 ÷ 12,5	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	16	5,0	120	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	26	1,0	60	TCVN 6001-1:2008
4	TDS*	mg/L	871	0 ÷ 1.999	1200	SOP HTN05
5	S ²⁻ *	mg/L	0,25	0,015	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	5,12	0,011	12	TCVN 6179-1:1996
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,43	0,013	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	5,3	0,011	12	TCVN 6202: 2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,1	0,3	24	SMEWW 5520.B&F: 2017
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,44	0,01	12	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100mL	3.100	2	5000	TCVN 6187-2:1996
12	Lưu lượng*	m ³ /h	0,043	0 ÷ 219600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

*(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 834-11/22-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

1/ Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)

2/ Địa chỉ : KCN Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 19/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại phòng điều khiển khu vực cảng xuất sản phẩm

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT (CỘT B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (30,5°C)	-	7,15	2 ÷ 12,5	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	22	5,0	120	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	32	1,0	60	TCVN 6001-1:2008
4	TDS*	mg/L	184	0 ÷ 1.999	1200	SOP HTN05
5	S ²⁻ *	mg/L	0,67	0,015	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	1,27	0,011	12	TCVN 6179-1:1996
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	4,25	0,013	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	1,62	0,011	12	TCVN 6202: 2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,0	0,3	24	SMEWW 5520.B&F: 2017
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,31	0,01	12	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100mL	2.600	2	5000	TCVN 6187-2:1996
12	Lưu lượng*	m ³ /h	0,02	0 ÷ 219600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

12/12

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)